

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /HĐND-VP

Tuần Giáo, ngày tháng 6 năm 2021

V/v điều chỉnh cục bộ Quy hoạch
chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu
trung tâm thị trấn Tuần Giáo,

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Tuần Giáo.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch;

Căn cứ Thông báo kết luận số 178-TB/HU ngày 11/6/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy Tuần Giáo về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch sử dụng đất đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu trung tâm thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên;

Xét Tờ trình số 149/TTr-UBND ngày 22/6/2021 của UBND huyện và Báo cáo thẩm tra số 32/BC-BKTXH ngày 22/6/2021 của Ban Kinh tế - Xã hội, HĐND huyện về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu trung tâm thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo.

Thường trực HĐND huyện nhất trí việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu trung tâm thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo với nội dung như sau:

1. Lý do điều chỉnh

Theo Quy hoạch đã phê duyệt công trình Hạ tầng khu đất số 3 khối Sơn Thủy (đổi diện Bảo Hiểm) có một số tuyến đường nhánh là đường cụt và mặt cắt ngang lớn (13,5m) không phù hợp với lưu lượng giao thông, mật độ xây dựng. Vì vậy, cần phải điều chỉnh để giao thông được kết nối liên tục, mở rộng diện tích đất ở liền kề cho các lô đất.

2. Nội dung điều chỉnh cục bộ Quy hoạch

Nối liền các nhánh đường, điều chỉnh mặt cắt ngang đường nhánh thành 9,5m

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

3. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu trung tâm thị trấn Tuần Giáo phê duyệt tại Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Tuần Giáo.

Nhận được Văn bản này, UBND huyện quyết định thực hiện và báo cáo HĐND huyện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Chủ tịch UBND huyện;
- Thường trực HĐND huyện;
- Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Bình Trọng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số /HĐND-VP ngày /6/2021)

1. Vị trí, hướng tuyến, quy mô tuyến

Nội dung theo quy hoạch	Nội dung đề nghị điều chỉnh
<p>* Vị trí, hướng tuyến 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm đầu: Giao với Quốc lộ 279 tại điểm ký hiệu là điểm B1. - Điểm giữa tuyến: Điểm B2, B3. - Điểm cuối tuyến: Điểm B4. <p>* Vị trí, hướng tuyến 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm đầu: điểm A1. - Điểm giữa tuyến: Điểm A2, B2, C2, C3, B3. - Điểm cuối tuyến: Điểm A3. 	<p>* Vị trí, hướng tuyến 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm đầu: Giao với Quốc lộ 279 tại điểm ký hiệu là điểm B1. - Điểm giữa tuyến: Điểm B2', B3'-1, B3'-1. - Điểm cuối tuyến: Điểm B4. <p>* Vị trí, hướng tuyến 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm đầu: điểm A1. - Điểm giữa tuyến: Điểm A1', B2', C2', C3', B3'-1. - Điểm cuối tuyến: Điểm A3'.
<p>* Quy mô tuyến 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn B1 – B4: L= 161,6m đường Mặt cắt 10-10 (Bnền=16,5m; Bmặt =10,5m; Bvía hè = 2x3,0m). <p>* Quy mô tuyến 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn A1-A2-B2-C2-C3-B3-A3: L=362,8m đường Mặt cắt 7'-7' (Bnền=13,5m; Bmặt =7,5m; Bvía hè = 3x2,0m). 	<p>* Quy mô tuyến 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn B1-B2'-B3'-B4: L= 161,6m đường Mặt cắt 10-10 (Bnền=16,5m; Bmặt =10,5m; Bvía hè = 2x3,0m). <p>* Quy mô tuyến 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn A1'-A2'-B2'-C2'-C3'-B3'-1-A3'-A2': L=382,83m đường Mặt cắt 6-6 (Bnền=9,5m; Bmặt =5,5m; Bvía hè = 2x2,0m).

2. Bảng tọa độ không chế

2.1. Bảng tọa độ không chế tuyến (theo quy hoạch)

STT	Tên cọc	Tọa độ			R
		X	Y	Z	
Tuyến 1					
1	B1	545182.0575	2387173.1431	559.50	
2	B2	545169.4672	2387223.9601	558.00	
3	B3	545158.7399	2387268.2262	556.00	
4	B4	545143.7192	2387330.0871	556.00	
Tuyến 2					

STT	Tên cọc	Tọa độ			R
		X	Y	Z	
1	A1	545250.2534	2387189.5467	559.00	
2	A2	545235.3615	2387236.3296	560.10	
3	B2	545169.4672	2387223.9601	558.00	
4	C2	545094.4579	2387208.3684	556.00	
5	C3	545085.7536	2387246.4799	556.00	
6	B3	545158.6463	2387268.2285	556.00	
7	A3	545204.4014	2387279.2105		

2.2. Bảng tọa độ không chế tuyến (điều chỉnh)

STT	Tên cọc	Tọa độ			R
		X	Y	Z	
Tuyến 1					
1	B1	545182.0575	2387173.1431	559.50	
2	B2'	546748.4029	2387219.9084	558.00	
3	B3'-1	546739.0800	2387258.3035	556.70	
4	B3'-2	546739.0800	2387258.3035	556.00	
5	B4	545143.7192	2387330.0871	556.00	
Tuyến 2					
1	A1'	546817.0563	2387200.8739	559.00	
2	A2'	546808.8967	2387234.4607	558.30	
3	B2'	546748.4029	2387219.9084	558.00	
4	C2'	546672.2933	2387204.6017	558.38	
5	C3'	546664.2326	2387237.0848	557.08	
6	B3'	546739.0800	2387258.3035	556.70	
7	A3'	546797.7510	2387270.1053	557.00	
8	A2'	546808.8967	2387234.4607	558.30	